

BÁO CÁO

Thẩm tra dự thảo Nghị quyết Ban hành Quy định nội dung hỗ trợ; mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định và phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra đối với Tờ trình số 2804/TTr-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2023 của UBND tỉnh về dự thảo Nghị quyết Ban hành Quy định nội dung hỗ trợ; mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, sau khi thẩm tra Ban Kinh tế - Ngân sách báo cáo kết quả như sau:

1. Về hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình thẩm tra:

- Hồ sơ do UBND tỉnh trình thiếu báo cáo đánh giá tác động việc thực hiện Nghị quyết số 62/2022/NQ-HĐND ngày 30/8/2022 và Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 27/4/2023. Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh nộp bổ sung để lưu hồ sơ theo quy định.

- Về thời gian gửi hồ sơ: UBND tỉnh gửi chậm 02 ngày so với yêu cầu tại Công văn số 425/HĐND-KTNS ngày 02/10/2023 của Thường trực HĐND tỉnh về việc trình và thẩm tra hồ sơ dự thảo Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 62/2022/NQ-HĐND ngày 30/8/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.

2. Về sự cần thiết ban hành Nghị quyết

- Tại các khoản 11, 12, 13, 14, 22, Điều 1, Nghị định số 38/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (gọi tắt là Nghị định số 38/2023/NĐ-CP) đã sửa đổi, bổ sung các điều: 20, 21, 22, 23, 40 của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

- Thông tư số 55/2023/TT-BTC quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 (gọi tắt là Thông tư số 55/2023/TT-BTC) có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023 và thay thế các Thông tư: số 15/2022/TT-BTC, số 46/2022/TT-BTC, số 53/2022/TT-BTC.

- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp đã ban hành Kết luận kiểm tra số 40/KL-KTrVB ngày 10/8/2023 về kết luận kiểm tra Nghị

quyết số 62/2022/NQ-HĐND. Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khẩn trương thực hiện việc bãi bỏ nội dung không phù hợp của Nghị quyết.

Việc xây dựng và ban hành Nghị quyết Quy định nội dung hồ sơ; mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (thay thế Nghị quyết số 62/2022/NQ-HĐND ngày 30/8/2022 và Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 27/4/2023) là cần thiết, nhằm thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia theo Nghị định số 38/2023/NĐ-CP, Thông tư số 55/2023/TT-BTC, đồng thời thực hiện kiến nghị xử lý tại Kết luận kiểm tra số 40/KL-KTrVB, Ban KT-NS nhất trí.

3. Căn cứ pháp lý và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

- Căn cứ pháp lý: Nghị định số 38/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Thẩm quyền ban hành nghị quyết:

+ Theo quy định tại Khoản 12, Điều 1, Nghị định số 38/2023/NĐ-CP quy định: *“Đối với dự án, kế hoạch liên kết do địa phương thực hiện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định Hồ sơ, điều kiện và yêu cầu trong lựa chọn dự án, kế hoạch theo điều kiện thực tiễn...”*.

+ Theo quy định tại Khoản 22, Điều 1, Nghị định số 38/2023/NĐ-CP quy định: *“Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định: Định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất theo quy định tại Điều 21, Điều 22; nội dung hồ sơ dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị; mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp quy định tại Điều 21; nội dung hồ sơ, trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất theo quy định ...”*.

Dự thảo Nghị quyết được UBND tỉnh xây dựng và trình HĐND tỉnh thông qua đầy đủ căn cứ pháp lý và đảm bảo đúng thẩm quyền, Ban nhất trí.

4. Về thể thức văn bản

- Về thể thức văn bản: Tuân thủ đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020, Ban KT- NS nhất trí.

- Tại phần **căn cứ** (trang 1) dự thảo nghị quyết ghi: *“(gọi tắt là Nghị định số 27/2022/NĐ-CP), (gọi tắt là Nghị định số 38/2023/NĐ-CP), (gọi tắt là Nghị định số 98/2018/NĐ-CP) ...”* chưa đúng theo quy định tại Khoản 16, Điều 1, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. Ban KT-NS đề nghị lược bỏ theo quy định.

5. Về nội dung Nghị quyết

Nội dung cơ bản của dự thảo Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết: gồm 05 điều:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

Điều 4. Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý

Điều 5. Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

6. Ý kiến của Ban KT-NS

(1) Về quy trình xây dựng nghị quyết:

- Tại Thông báo số 353/TB-VP ngày 28/9/2023 của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, tại Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thường kỳ tháng 9 năm 2023: “*Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp tục rà soát, nghiên cứu tham mưu xây dựng dự thảo nghị quyết mới thay thế Nghị quyết số 62/2022/NQ-HĐND ngày 30/8/2022 và trình tại Kỳ họp gần nhất.*”

- Dự thảo Nghị quyết do UBND tỉnh trình đã được xây dựng theo hình thức mới thay thế Nghị quyết 62/2022/NQ-HĐND ngày 30/8/2022 và Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 27/4/2023.

Tuy nhiên, Dự thảo Nghị quyết mới có nhiều nội dung thay đổi so với nội dung dự thảo nghị quyết cũ do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp thứ 15 (chuyên đề) (Tờ trình số 2551/TTr-UBND ngày 18/9/2023): chưa được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (cơ quan chủ trì soạn thảo) đăng tải trên cổng thông tin điện tử lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp.

Căn cứ theo quy định tại Khoản 2, Điều 129 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, quy định: “*2. Cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan. Trong trường hợp lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của nghị quyết thì cơ quan lấy ý kiến có trách nhiệm xác định những vấn đề cần lấy ý kiến và bảo đảm ít nhất là 30 ngày kể từ ngày tổ chức lấy ý kiến để các đối tượng được lấy ý kiến góp ý vào dự thảo văn bản.*”. Ban KT-NS: quy trình xây dựng nghị quyết chưa đảm bảo theo quy định.

Ban KT-NS đề nghị Sở Tư pháp khẳng định việc xây dựng Nghị quyết thay thế Nghị quyết 62/2022/NQ-HĐND ngày 30/8/2022 và Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 27/4/2023 đã đảm bảo đúng theo quy định không?

(2) Tại Quy định kèm theo:

- Tại Khoản 2, Điều 2. Đối tượng áp dụng: Trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, chỉ có đối tượng áp dụng Đối với Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và Đối với Tiêu dự án 1 Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp. đã đầy đủ chưa? Còn dự án nào của chương trình có liên quan không?

- Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh giải trình việc lược bỏ đối tượng “*Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm*

hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo) trên phạm vi toàn tỉnh” so với Nghị quyết số 62/2022/NQ-HĐND?

- Tại Khoản 2, Điều 2, Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh ghi thống nhất mục b với mục a ở phía trên, cụ thể chỉnh sửa: *“Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định); người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo. Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.”*

(3) Đối với những nội dung được bổ sung thêm so với Nghị định số 38/NĐ-CP: đề nghị UBND tỉnh giải trình căn cứ bổ sung, cụ thể tại các điểm d, e, g, h, i tại Khoản 2, Điều 3 Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; đồng thời lược bỏ phần viện dẫn tại các Quyết định, Thông tư, Nghị quyết do đã quy định rõ nội dung trong nghị quyết.

(4) Tại trang 8, nội dung Mức hỗ trợ, phương thức hỗ trợ; mức chi hỗ trợ *“... thực hiện theo quy định tại điểm 4.3; 4.4 và 4.9 khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 20/2019/NQ-HĐND ngày 12/07/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng ...”* Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh giải trình có đúng đối tượng không?

(5) Tại Điểm e, Khoản 2, Điều 3, đề nghị UBND tỉnh giải trình việc hỗ trợ nhân rộng các đề xuất đề tài nghiên cứu cấp tỉnh có thuộc đối tượng hỗ trợ của Nghị quyết không? Trường hợp không thuộc đối tượng, đề nghị UBND tỉnh nghiên cứu, xem xét bổ sung?

(6) Đối với việc thay đổi mức hỗ trợ:

- Tại trang số 4:

+ Hỗ trợ tối đa không quá 4.000 triệu đồng/dự án, kế hoạch liên kết cấp tỉnh phê duyệt;

+ Hỗ trợ tối đa không quá 3.000 triệu đồng/dự án, kế hoạch liên kết cấp huyện phê duyệt;

- Tại trang số 10: Hỗ trợ tối đa không quá 1.000 triệu đồng/dự án.

Các mức hỗ trợ trên đều tăng gấp 02 lần so với mức hỗ trợ đã được ban hành tại Nghị quyết số 62/2022/NQ-HĐND. Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh giải trình lý do, nguyên nhân và cho biết thêm đã thực hiện bao nhiêu dự án và số kinh phí đã thực hiện? Việc tăng như vậy có đảm bảo về kinh phí đã bố trí cho các dự án đã triển khai thực hiện không? Có ảnh hưởng đến mục tiêu, nhiệm vụ của các dự án không?

(7) Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh điều chỉnh lại nội dung tại Khoản 1, Điều 4 hoặc Khoản 1 Điều 3 cho thống nhất vì việc *“Dự án được liệu quý được hỗ trợ từ vốn ngân sách nhà nước phải đáp ứng điều kiện hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy định này”* là chưa hợp lý đối với mức hỗ trợ dành cho phát triển vùng trồng dược liệu quý.

(8) Tại trang số 9 quy định kèm theo Đối với nội dung: *“Tổ, nhóm cộng đồng phải có thành viên có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi* được Ủy ban nhân

dân cấp xã xác nhận”, Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh ghi rõ thêm nội dung trên để thuận lợi cho các xã khi thực hiện.

(9) Tại điểm 3 Khoản 2, Điều 5 (trang số 9), dự thảo Nghị quyết ghi “...*tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH*” khác với nội dung đã trình cũ là “*tại khoản 3 Điều 6*”, đề nghị UBND tỉnh giải trình lý do, nguyên nhân thay đổi.

(10) Tại trang số 11, Đối với việc thành lập 02 tổ cộng đồng thực hiện dự án tại cấp xã hoặc cấp huyện có cần thiết không? đề nghị UBND tỉnh giải trình rõ hơn?

(11) Tại mẫu số 01, đề nghị giải trình rõ về vấn đề lựa chọn các hộ tham gia dự án tại phần nội dung cuộc họp?

(12) Tại mẫu số 02, đề nghị UBND tỉnh nghiên cứu bổ sung nội dung đầy đủ theo Nghị định số 38/2023/NĐ-CP.

(13) Đối với ý kiến góp ý Sở Lao động Thương binh và Xã hội tại Điều 3, Ban KT-NS đề nghị đơn vị soạn thảo nghiên cứu, xem xét bổ sung.

(14) Đối với những nội dung trong Báo cáo thẩm định 1607/BCTĐ-STP ngày 09/10/2023 của Sở Tư pháp, đơn vị soạn thảo cơ bản chưa tiếp thu, cụ thể:

- Tại khoản 5 Điều 3: Dự thảo cần quy định rõ cách thức nộp hồ sơ và thời hạn thực hiện thẩm định dự án, kế hoạch liên kết; thời hạn thực hiện phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết (tại điểm c Bước 3), điểm d Bước 4 để phù hợp với quy định về thủ tục hành chính và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính.

- Nội dung quy định tại điểm đ (Bước 5) không phải là các bước trong trình tự, thủ tục thực hiện thủ tục hành chính lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết mà là quá trình tổ chức thực hiện dự án, kế hoạch liên kết sau khi đã được phê duyệt. Do đó, đề nghị bỏ nội dung này tại khoản 5.

- Tại khoản 5 Điều 4, đề nghị xem xét quy định cụ thể thời hạn thực hiện thẩm định dự án được liệt kê.

- Tại khoản 5: Tại điểm b (Bước 2). Hợp xóm và điểm c (Bước 3). Thành lập tổ cộng đồng, dự thảo quy định là các bước trong trình tự, thủ tục thực hiện; tuy nhiên, việc quy định các nội dung này trong trình tự, thủ tục lựa chọn dự án sản xuất, dịch vụ cộng đồng là chưa phù hợp, vì theo quy định của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính thì “Thủ tục hành chính là trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ và yêu cầu, điều kiện do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quy định để giải quyết một công việc cụ thể liên quan đến cá nhân, tổ chức”, theo đó, tại Bước 2 và Bước 3 của dự thảo đang thực hiện trong nội bộ xóm, cộng đồng dân cư, chưa có sự tham gia của cơ quan nhà nước trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo cần xem xét, bỏ các nội dung này để quy định đơn giản hóa, cắt giảm các bước rườm rà, không cần thiết trong thủ tục hành chính và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 22 sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP.

- Bổ sung quy định cụ thể thời gian thực hiện trong các bước Thẩm định, phê duyệt dự án (điểm đ, điểm e).

- Bổ quy định tại điểm g (Bước 7), vì nội dung không phải là trình tự, thủ tục lựa chọn dự án sản xuất, dịch vụ cộng đồng mà nội dung là “Tổ chức thực hiện dự án” sau khi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án.

Ban KT-NS nhất trí với ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp. Đề nghị UBND tỉnh bổ sung hoàn thiện các nội dung nghị quyết.

Ban KT-NS đề nghị kỳ họp HĐND tỉnh thảo luận, xem xét quyết định.

Trên đây là báo cáo thẩm tra dự thảo Nghị quyết Ban hành Quy định nội dung hỗ trợ; mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- UBND tỉnh Cao Bằng;
- Ủy ban MTTQ tỉnh Cao Bằng;
- Các đại biểu tham dự kỳ họp;
- Ban Kinh tế - Ngân sách;
- Sở NN&PTNT;
- VP Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh;
- Phòng Công tác HĐND;
- Lưu: VT.

**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN**

La Văn Hồng